

Bản án số: 32/2024/DS-ST  
Ngày 07-6-2024  
V/v tranh chấp thù lao ủy quyền.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.
- Ông Trần Văn Lô.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Phúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp thù lao ủy quyền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà B, Ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số B, đường N, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Ngày 29/11/2022, ông ủy quyền cho bà Võ Thị Q thay mặt và đại diện ông tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông với ông Phạm Văn N và bà Võ Thị P. Nội dung công việc ủy quyền và phạm vi ủy quyền được thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2022. Tuy trong

hợp đồng ủy quyền không có ghi điều khoản thỏa thuận về thù lao ủy quyền nhưng giữa ông và bà Q có thỏa thuận riêng với nhau về thù lao ủy quyền là 40.000.000 đồng. Ông đã giao đủ số tiền 40.000.000 đồng, 02 gồm 02 đợt: Đợt 01 giao 20.000.000 đồng theo Biên nhận tiền thù lao ủy quyền ngày 29/11/2022; Đợt 02 giao 20.000.000 đồng theo Giấy viết tay do chính bà Q viết, không có ghi ngày tháng năm thể hiện bà Q đã nhận của ông số tiền 20.000.000 đồng còn lại. Khi ủy quyền, bà Q cam kết đảm bảo thắng kiện nên ông và bà Q có thỏa thuận bằng lời nói là trong trường hợp thua kiện thì bà Q sẽ không nhận bất kỳ chi phí nào, hoàn trả lại số tiền 40.000.000 đồng cho ông. Tuy nhiên, nay ông đã thua kiện trong vụ án tranh chấp với ông Phạm Văn N và bà Võ Thị P nên ông chỉ đồng ý trả thù lao ủy quyền cho bà Q số tiền 10.000.000 đồng là chi phí đi lại để bà Q thực hiện công việc được ủy quyền, yêu cầu bà Q trả lại cho ông số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ngày 29/11/2022, bà có ký kết Hợp đồng ủy quyền với ông Phạm Văn L để thay mặt và đại diện ông L tham gia tố tụng trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn L với ông Phạm Văn N, bà Võ Thị P. Nội dung công việc ủy quyền và phạm vi ủy quyền được thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2022. Trong hợp đồng ủy quyền không có ghi điều khoản thỏa thuận về thù lao ủy quyền, nhưng thực tế giữa bà và ông L có thỏa thuận thù lao ủy quyền là 40.000.000 đồng. Bà đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng, lần thứ nhất nhận 20.000.000 đồng vào ngày 29/11/2022 và lần thứ hai nhận 20.000.000 đồng sau khi xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Việc ông L ủy quyền cho bà tham gia tố tụng là do ông L hoàn toàn tự nguyện; khi thỏa thuận ủy quyền, bà không cam kết chắc chắn thắng kiện. Bà đã thực hiện đúng những công việc được ông L ủy quyền, ông L đòi lại tiền thù lao ủy quyền vì lý do thua kiện là không phù hợp và giữa bà và ông L cũng không có thỏa thuận thua kiện phải trả lại tiền thù lao ủy quyền như ông L trình bày. Ngày 22/02/2024, bà và ông L đã ký văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền thì xem như đối với nội dung ủy quyền của Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2022 bà không còn trách nhiệm nữa. Vì vậy, bà không đồng ý trả lại thù lao ủy quyền theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về tất cả các vấn đề của vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền thù lao ủy quyền là 30.000.000

đồng; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Q có nghĩa vụ trả tiền thù lao ủy quyền. Theo xác minh của Công an thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An thì bị đơn bà Võ Thị Q hiện đang cư trú tại Số B, đường N, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp thù lao ủy quyền, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Vụ án đã được kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn L rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền thù lao ủy quyền, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền thù lao ủy quyền là 30.000.000 đồng, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thù lao ủy quyền là 10.000.000 đồng; việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Ngày 29/11/2022, ông Phạm Văn L và bà Võ Thị Q đã ký kết Hợp đồng ủy quyền số công chứng 4415; Quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, giao dịch giữa ông Phạm Văn L và bà Võ Thị Q được xác định là Hợp đồng ủy quyền theo quy định tại Điều 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, bà Võ Thị Q có nghĩa vụ thực hiện các công việc quy định tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền nêu trên nhân danh ông Phạm Văn L. Tuy Hợp đồng ủy quyền không thể hiện thỏa thuận về thù lao ủy quyền nhưng các bên thừa nhận có thỏa thuận thù lao ủy quyền, bên ủy quyền là ông Phạm Văn L đã giao đủ số tiền thù lao ủy quyền theo Biên nhận tiền thù lao ủy quyền ngày 29/11/2022 và 01 giấy viết tay không ghi ngày tháng năm, đồng thời bà Q cũng thừa nhận đã nhận đủ số tiền thù lao ủy quyền 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Võ Thị Q đại diện ông Phạm Văn L thực hiện nội dung ủy quyền tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền, cụ thể tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền giải quyết vụ án tranh chấp giữa ông Phạm Văn L với ông Phạm Văn N, bà Võ Thị P.

[4] Ông L khởi kiện yêu cầu bà Q trả lại số tiền thù lao ủy quyền đã nhận là 30.000.000 đồng với lý do bà Q không thực hiện đúng nội dung ủy quyền, cụ thể bà Q không tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Tuy nhiên, ông L cũng thừa nhận bà Q có hai lần đưa ông cùng đến trụ sở Tòa án nhân dân

tỉnh Long An để làm việc trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên hòa giải ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bà Q cũng có mặt với tư cách người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn L. Ngày 22/02/2024, ông L và bà Q đã ký kết Văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền số công chứng 291, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Như vậy, Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2022 đã chấm dứt ngày 22/02/2024 theo thỏa thuận của các bên. Quá trình tố tụng của vụ án sau ngày 22/02/2024, bà Q không có nghĩa vụ tham gia nữa. Ông Phạm Văn L trình bày bà Q có cam kết đảm bảo thắng kiện mới nhận thù lao ủy quyền nhưng ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh có thỏa thuận này, đồng thời bà Q cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông L. Mặt khác, Hợp đồng ủy quyền giữa ông L và bà Q đã chấm dứt ngày 22/02/2024 nhưng đến ngày 17/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Long An mới tuyên án sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/4/2024 ông L đã ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng nên ông L cho rằng bà Q có trách nhiệm khi ông thua kiện là không có cơ sở.

[5] Từ những phân tích tại mục [3] và [4] thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn L không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[6.1] Buộc nguyên đơn ông Phạm Văn L phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009472 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; ông Phạm Văn L còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

[6.2] Bị đơn bà Võ Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 244, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 562, Điều 563, Điều 564, Điều 565, Điều 566, Điều 567, Điều 568 và Điều 569 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về “Tranh chấp thù lao ủy quyền” đối với bà Võ Thị Q.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L về yêu cầu bà Võ Thị Q trả lại số tiền thù lao ủy quyền là 10.000.000 đồng.

2. Về án phí:

Buộc nguyên đơn ông Phạm Văn L phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước; khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp là 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009472 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Phạm Văn L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) vào công quỹ nhà nước.

Bị đơn bà Võ Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(ĐÃ KÝ)**

**Huỳnh Thị Hoàng Dung**